

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH04010**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Bệnh cây nông nghiệp**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2356201163416	Lê Thị Kim	Anh	31/03/2008			8.6	7.2	9.3	8.5			7.5		7.9
2	2356201163417	Thái Thiện	Ân	07/04/2008			6.6	9.2	9.7	8.5			10.0		9.5
3	2356201163418	Ngô Minh	Chánh	16/11/2008			6.6	4.6	8.0	4.5			8.8		7.7
4	2356201163419	Lê Thị Ngọc	Chi	06/10/2008			8.8	5.4	8.7	8.5			10.0		9.2
5	2356201163420	Dương Hoàng	Hiều	09/04/2008			4.2	2	3.5	8.5			9.5		7.7
6	2356201163421	Nguyễn Huỳnh Hữu	Huy	25/04/2008			8.8	9.4	9.0	6.5			9.8		9.2
7	2356201163422	Trương Hoàng	Huy	10/10/2006			5	3.5	4.5	6.5			10.0		8.0
8	2356201163423	Chau Ny	Kanl	12/12/2008			1.4	3.8	8.0	4.5			5.8		5.5
9	2356201163424	Lê Phúc	Khang	05/04/2008			6.2	6.2	8.3	6.5			3.5		4.9
10	2356201163426	Trương Nguyễn	Khoa	29/11/2007			3	3.8	5.5	6.5			5.8		5.5
11	2356201163427	Nguyễn Thị Khánh	Ly	29/12/2006			8.8	9.4	8.7	8.5			10.0		9.5
12	2356201163428	Nguyễn Văn	Mãi	04/11/2008			7.8	8.8	9.0	8.5			8.5		8.5
13	2356201163429	Dương Văn	Minh	12/07/2006			7.2	5.2	8.7	8.5			8.8		8.4
14	2356201163430	Nguyễn Thiện	Nam	26/06/2008			2.4	2	0.0	0.5			0.0	0.0	0.4
15	2356201163431	Lê Thị Ngọc	Ngà	02/08/2008			8.6	7.4	8.7	8.5			9.3		8.9
16	2356201163432	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/03/2006			8.8	7	8.7	8.5			9.3		8.9
17	2356201163433	Đoàn Trọng	Nghĩa	25/12/2007			6.2	5.6	8.7	8.5			7.3		7.5
18	2356201163434	Nguyễn Văn	Nguyên	10/07/2008			1.4	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.1
19	2356201163435	Phạm Đặng Khôi	Nguyên	10/01/2008			6.8	5.6	8.7	8.5			8.5		8.2
20	2356201163436	Nguyễn Thanh	Nhàn	06/05/2008			5.6	5.6	8.7	8.5			8.3		8.0
21	2356201163437	Nguyễn Huỳnh	Phát	28/04/2000			8.8	5.2	8.0	6.5			9.3		8.4
22	2356201163438	Nguyễn Hoàng	Phúc	18/01/2008			5.6	5.6	8.7	8.5			7.8		7.7
23	2356201163439	Nguyễn Nhứt	Qui	17/03/2008			4.2	3.6	5.3	6.5			7.8		6.8
24	2356201163440	Lê Huỳnh	Thành	01/05/2008			7.8	8.6	8.7	8.5			5.0		6.4
25	2356201163441	Nguyễn Tấn	Thông	16/11/2008			5.6	8	8.0	6.5			3.5		4.9
26	2356201163442	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/04/2008			5.2	3.8	8.3	4.5			6.5		6.2
27	2356201163443	Nguyễn Phạm Thanh	Tiến	04/04/2008			4.4	2	5.3	4.5			0.0	0.0	1.7
28	2356201163444	Lương Phú	Toàn	15/09/2008			9	5.4	8.7	8.5			6.3		7.0
29	2356201163445	Chau Sátth	Trí	11/09/2008			6.2	5.8	9.3	8.5			5.3		6.4
30	2356201163446	Bùi Vĩnh	Tường	14/06/2008			7.5	8.2	9.7	8.5			5.8		7.0
31	2356201163447	Nguyễn Đông	Uy	20/05/2005			8.8	9	9.7	8.5			8.3		8.6
32	2356201163448	Phan Thanh	Vĩ	23/04/2008			6	7.4	8.7	6.5			9.8		8.8
33	2356201163449	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	20/03/2008			8.8	3.8	8.7	8.5			9.8		9.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 14 tháng 6 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Hữu Phương